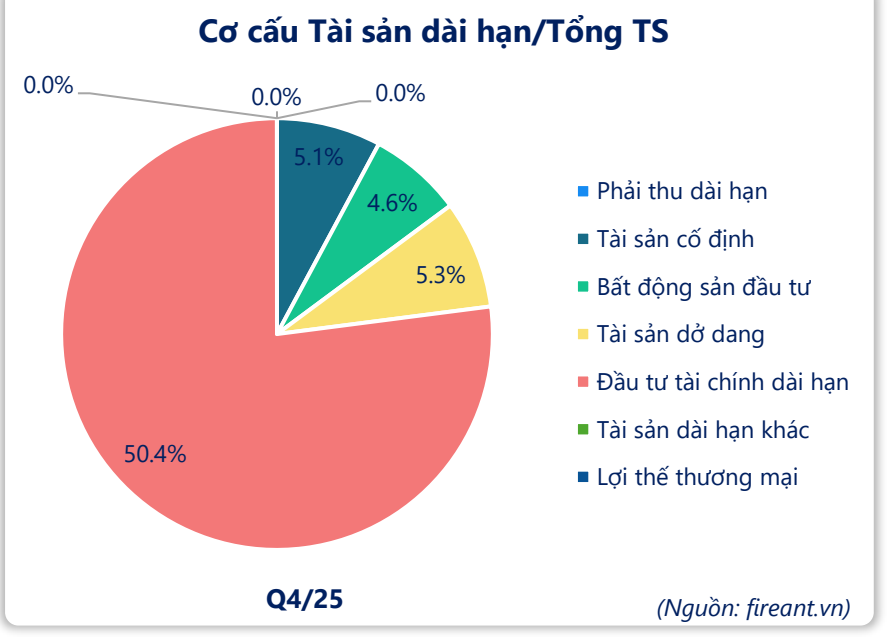
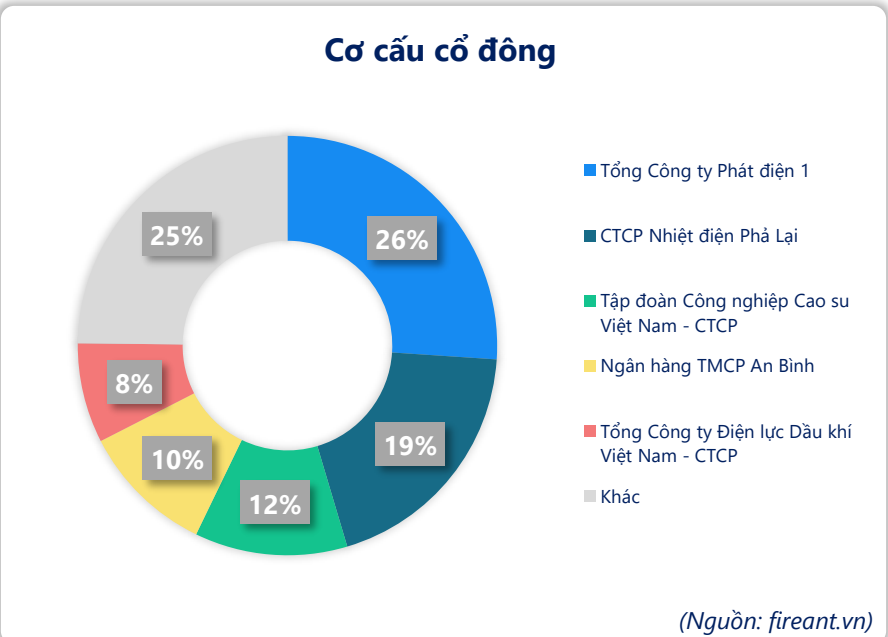
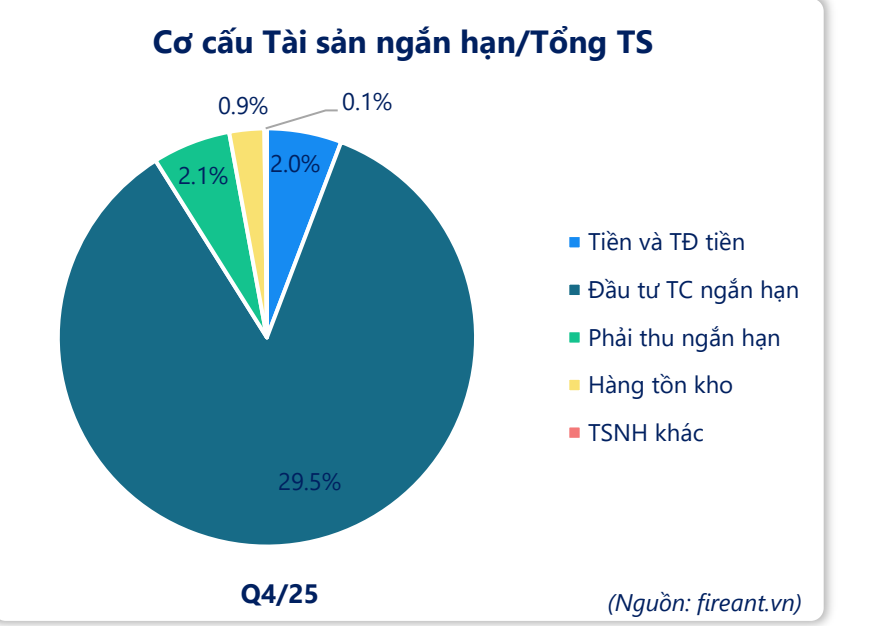
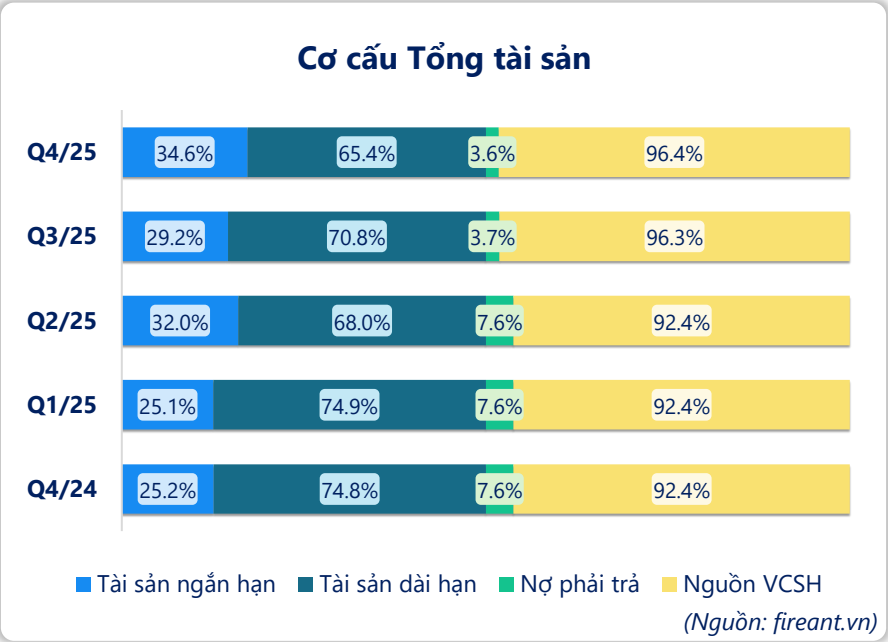
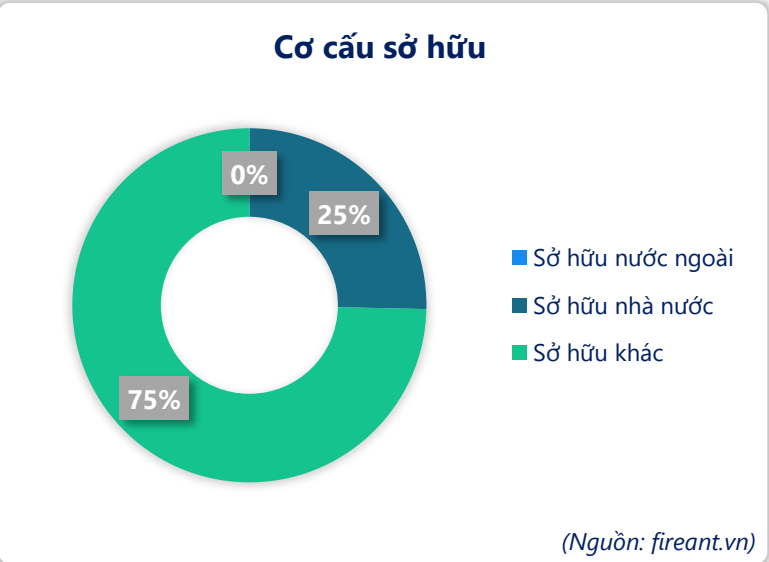
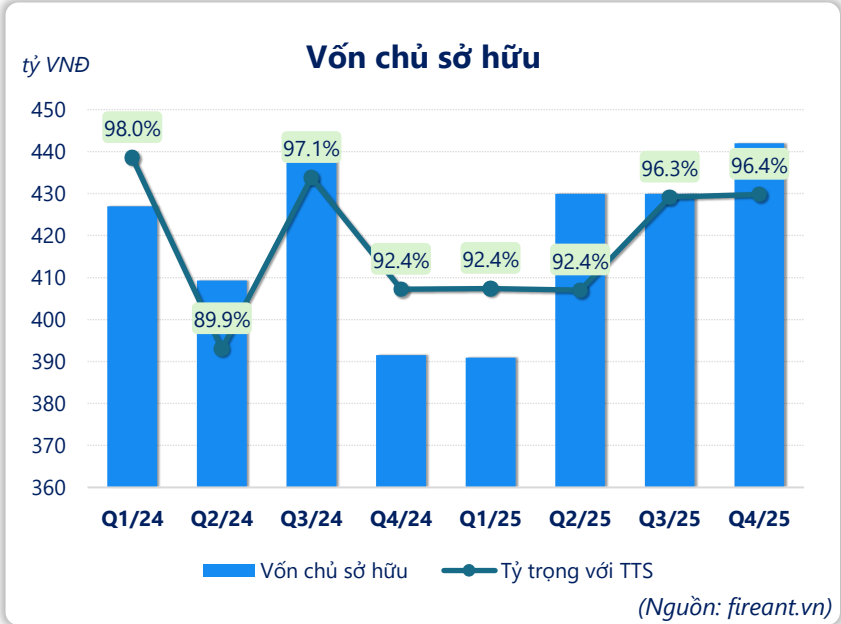
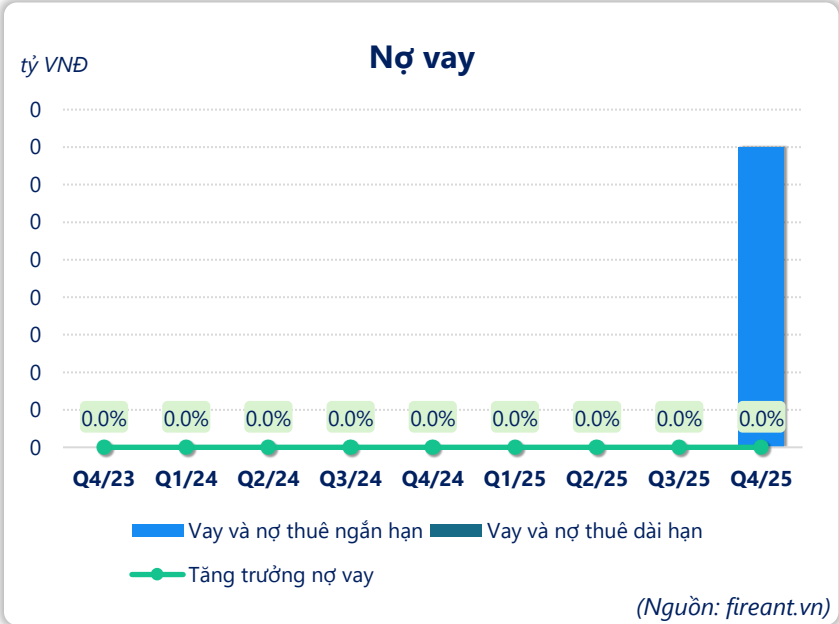
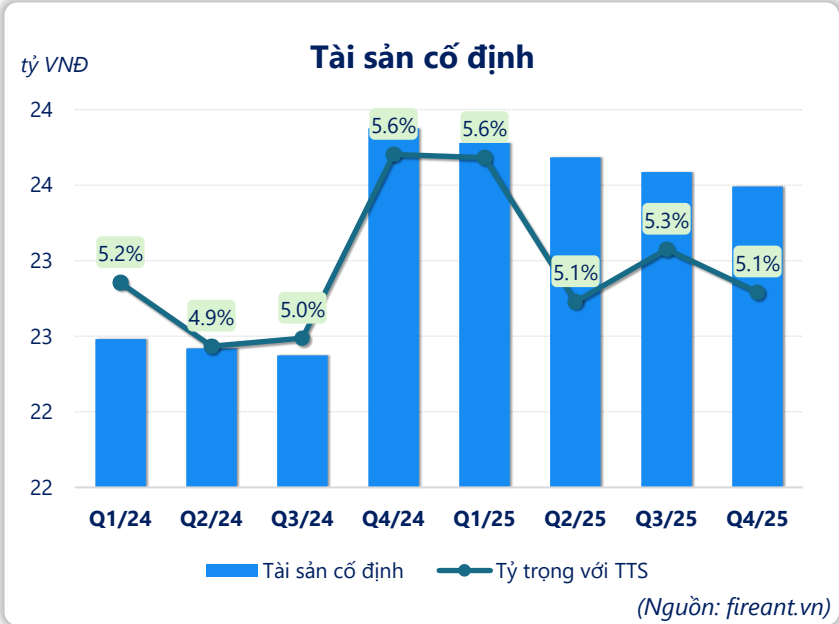
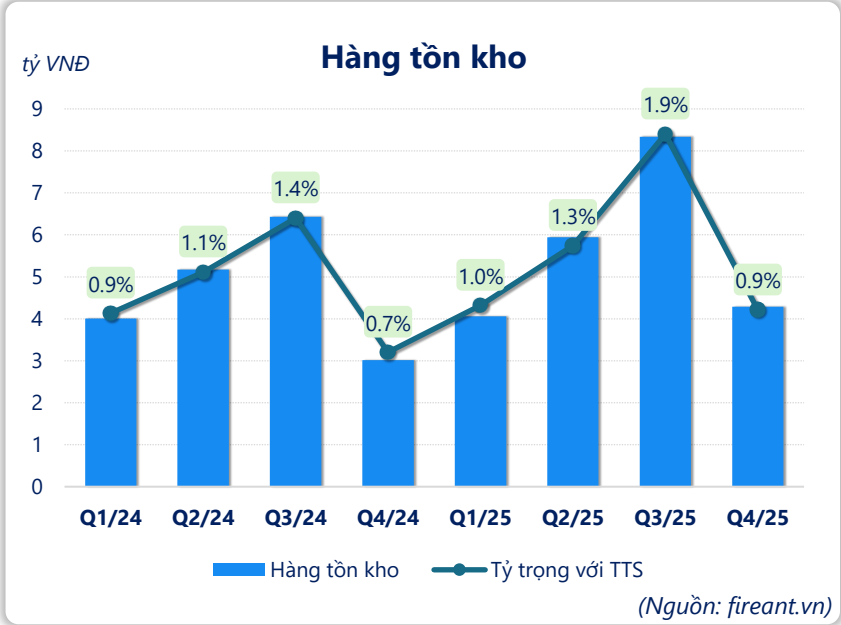
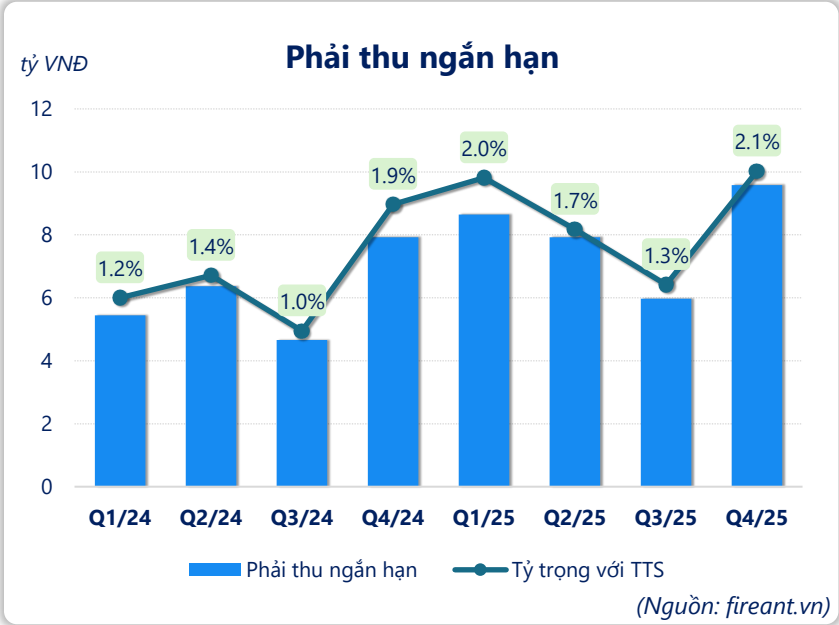
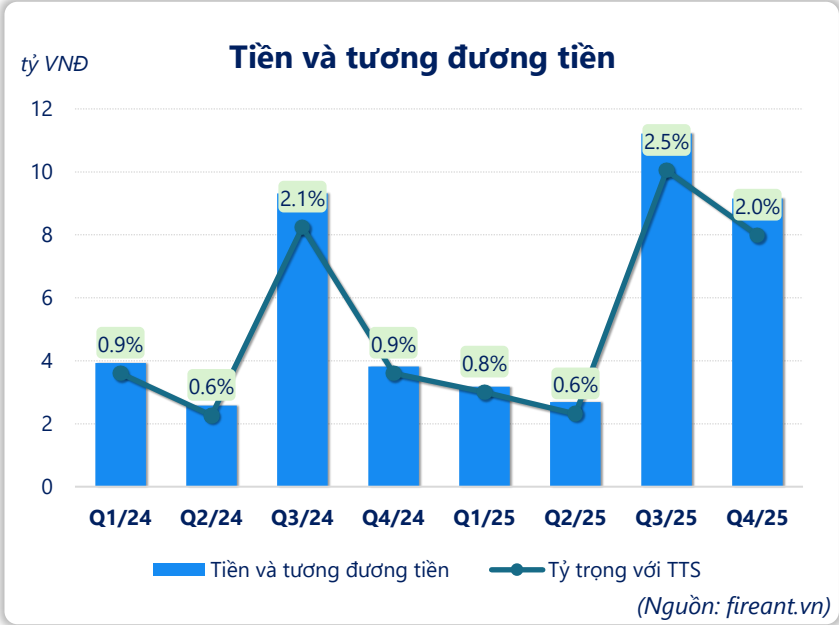
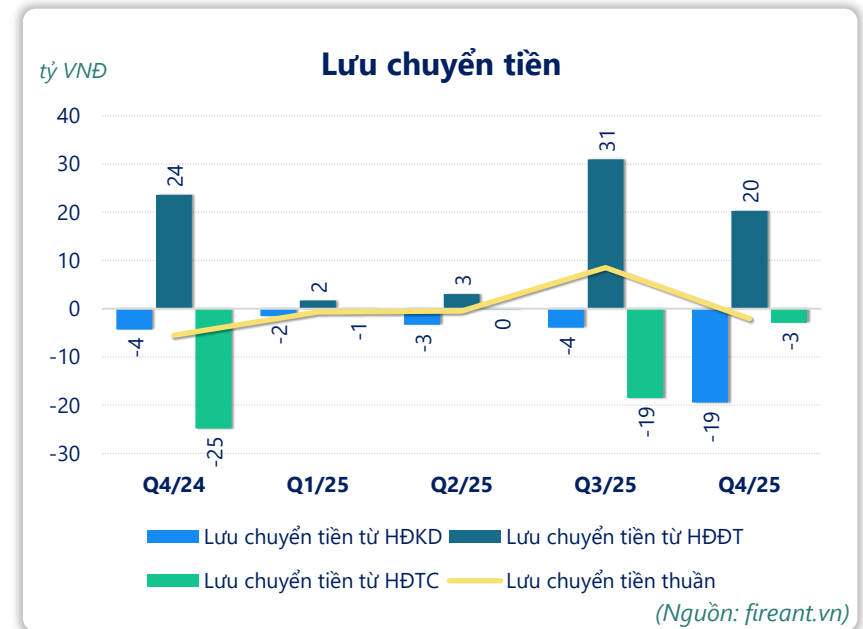
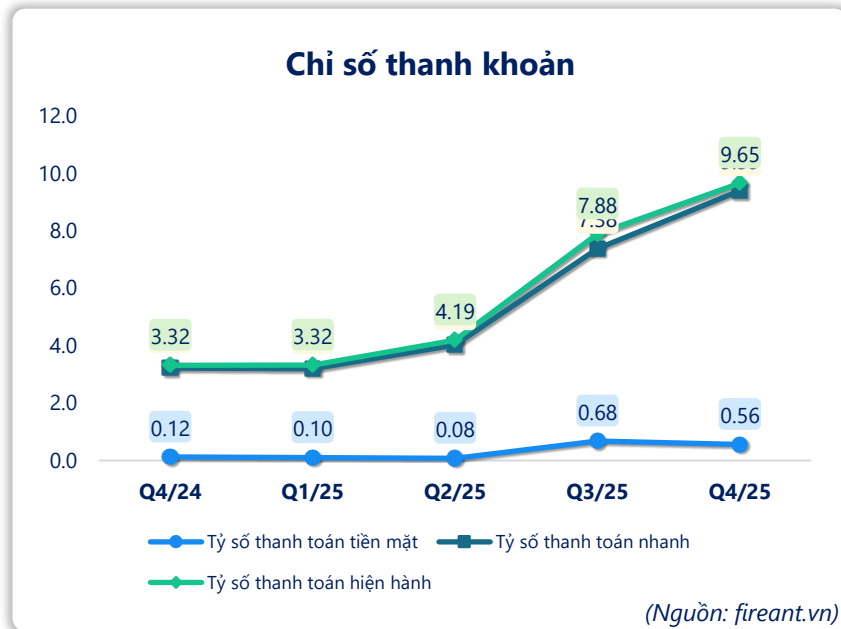
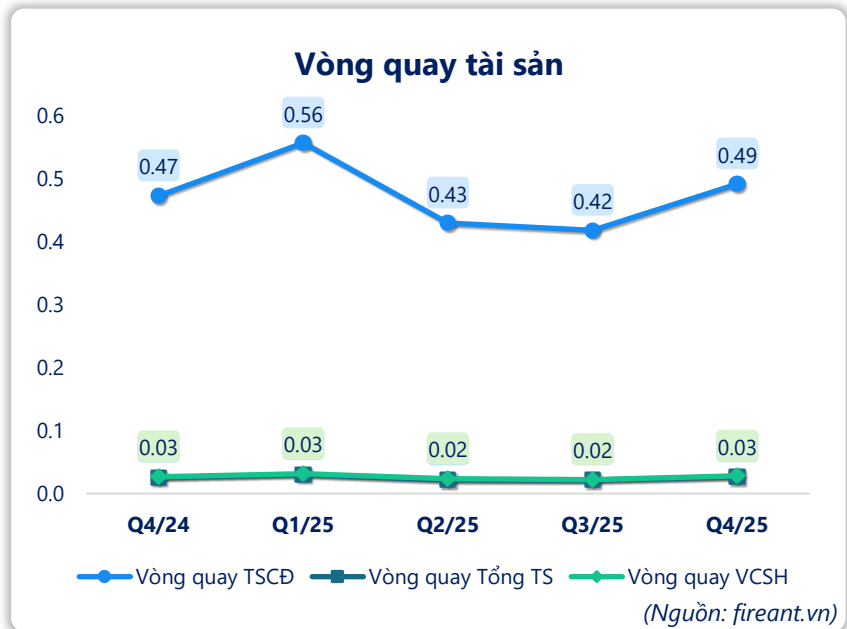
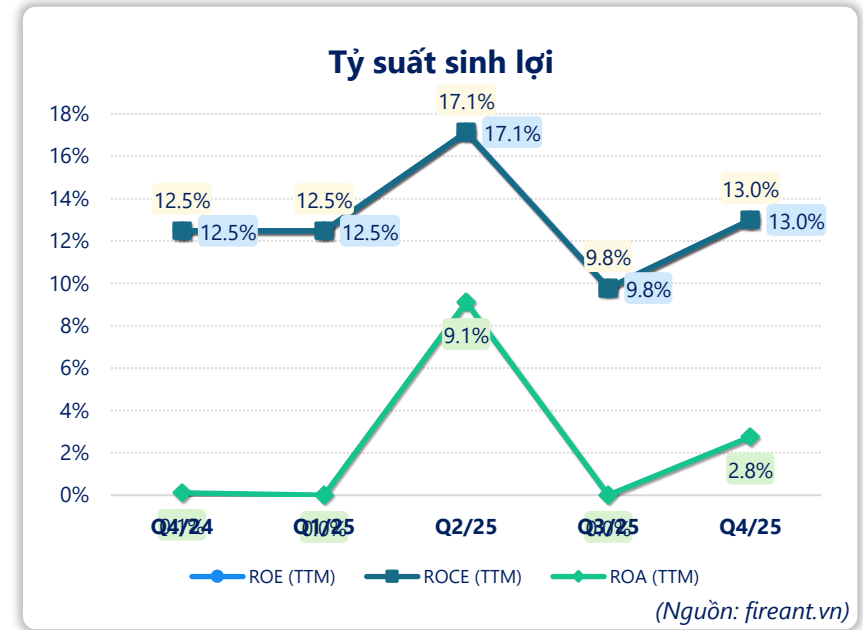
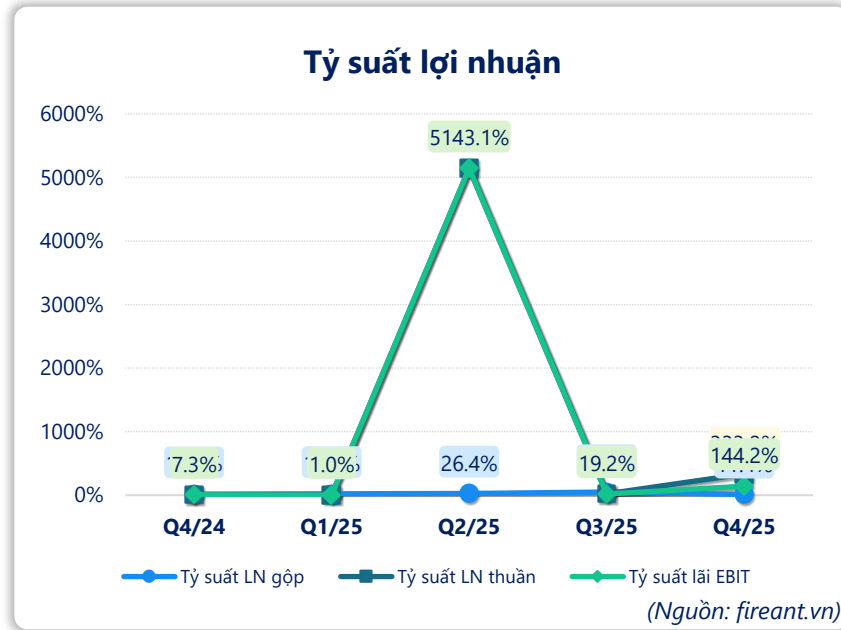
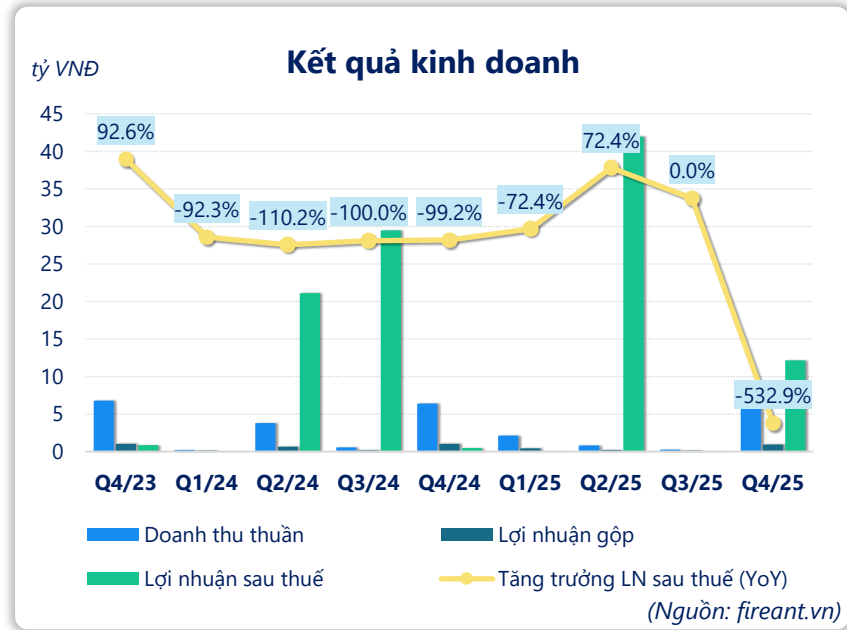


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		26,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		27,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		21,500
SL cổ phiếu LH		36,677,145
KLGD BQ 20 phiên (CP)		520
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		965
P/E		17.8
EPS		1,477

	YTD	1T	3T	6T
EIC	16.9%	1.2%	10.5%	16.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	458	424	8.2%
Tài sản ngắn hạn	158	107	48.3%
Tiền và tương đương tiền	9.15	3.82	140%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	135	91.2	48.1%
Phải thu ngắn hạn	9.58	7.92	20.8%
Hàng tồn kho	4.29	3.02	42.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0.30	0.85	-64.0%
Tài sản dài hạn	300	317	-5.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	23.5	23.9	-1.6%
Bất động sản đầu tư	21.1	21.2	-0.6%
Tài sản dở dang	24.3	40.3	-39.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	231	231	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.01	0.51	-97.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	16.4	32.9	-50.0%
Nợ ngắn hạn	16.4	32.8	-50.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0.00	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.74	0.52	41.7%
Nợ dài hạn	0.04	0.04	-2.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	442	391	13.1%
Vốn chủ sở hữu	442	391	13.1%
Vốn điều lệ	367	367	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	6.38	2.14	0.82	0.27	8.42
Giá vốn hàng bán	5.36	1.72	0.60	0.13	7.46
Lợi nhuận gộp	1.02	0.43	0.22	0.13	0.96
Doanh thu HĐTC	1.47	1.15	53.1	1.63	40.8
Chi phí TC	0	0	7.24	0	5.48
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	2.03	1.55	4.13	1.70	8.20
LN thuần từ HĐKD	0.46	0.02	42.0	0.05	28.1
Lợi nhuận khác	0.00	0	0.00	0.00	-15.9
LN trước thuế	0.47	0.02	42.0	0.05	12.1
Lợi nhuận sau thuế	0.46	0.02	42.0	0.04	12.2
LNST của CĐ cty mẹ	0.46	0.02	42.0	0.04	12.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.30	-1.52	-3.31	-3.93	-19.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	23.6	1.72	3.06	31.0	20.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-24.8	-0.84	-0.23	-18.5	-2.92
Tiền đầu kỳ	9.31	3.82	3.18	2.69	11.2
Lưu chuyển tiền thuần	-5.49	-0.64	-0.49	8.52	-2.06
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	3.82	3.18	2.69	11.2	9.15

(Nguồn: fireant.vn)